BỘ MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM

KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Phiên bản tài liệu: <V1.0>**

KẾ HOẠCH DỰ ÁN

**HỆ THỐNG WEBSITE BÁN HOA TƯƠI**

**LỊCH SỬ THAY ĐỔI TÀI LIỆU DỰ ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày thay đổi | Mục, bảng, sơ đồ thay đổi | Lý do | Mô tả thay đổi |
| 17/1/2018 |  | Khởi tạo tài liệu |  |
| 29/1/2018 |  | Sửa đổi tài liệu | Bổ sung thêm nội dung còn thiếu |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Mục Lục

[**1)** **Tổng quan về dự án.** 4](#_Toc504072346)

[1.1. Mục tiêu của dự án. 4](#_Toc504072347)

[1.2. Thông tin chung về dự án. 4](#_Toc504072348)

[1.3. Phạm vi dự án. 4](#_Toc504072349)

[1.4. Khái niệm, định nghĩa , từ viết tắt. 5](#_Toc504072350)

[**2)** **Tổ chức dự án.** 6](#_Toc504072351)

[2.1. Sơ đồ tổ chức dự án. 6](#_Toc504072352)

[2.2. Các vai trò chính tham gia dự án. 7](#_Toc504072353)

[**3)** **Tiến trình thực hiện dự án.** 8](#_Toc504072354)

[3.1. Các mốc kiểm soát dự án. 8](#_Toc504072355)

[**4)** **Nguồn lực dự án.** 9](#_Toc504072356)

[4.1. Yêu cầu về trang thiết bị, vật tư, vật liệu. 9](#_Toc504072357)

[4.2. Chi phí dự án và các nguồn lực. 9](#_Toc504072358)

[**5)** **Quản lý chất lượng.** 9](#_Toc504072359)

[5.1. Các quy trình áp dụng trong dự án. 9](#_Toc504072360)

[5.2. Các mục tiêu chất lượng. 10](#_Toc504072361)

[5.3. Quản lý hồ sơ/ kết quả dự án. 10](#_Toc504072362)

[**6)** **Quản lý rủi ro.** 13](#_Toc504072363)

[**7)** **Các vấn đề khác.** 14](#_Toc504072364)

# **Tổng quan về dự án.**

## Mục tiêu của dự án.

Xây dựng được hệ thống website hỗ trợ việc bán hàng online cho cửa hàng “Flower’s Angel” với giao diện đẹp và nhiều tính năng. Cửa hàng “Flower’s Angel” ngoài việc cung cấp các loại hoa phong phú còn có thể cung cấp được các dịch vụ về hoa tươi (cưới hỏi, sinh nhật,…) và dự án này sẽ đáp ứng được đầy đủ các chức năng đó. Hệ thống sẽ phục vụ được việc tra cứu sản phẩm, đặt hàng trực tuyến cho mọi đối tượng có nhu cầu mua, đặt hoa tươi từ cửa hàng, đồng thời cũng đáp ứng được việc quản lý (sản phẩm, danh mục, khách hàng) cho cửa hàng.

Dự án chia làm nhiều giai đoạn, mỗi giai đoạn hoàn thành một module, theo yêu cầu bên đặt hàng thì module quản lý sản phẩm, tra cứu sản phẩm, đặt hàng trực tuyến cần phải hoàn thành trước và thực hiện đúng các quy trình kinh doanh.

Thời hạn hoàn thành: 10 tuần.

## Thông tin chung về dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| 1 | Tên khách hàng | Cửa hàng “Flower’s Angel”. |  |
| 2 | Các địa điểm triển khai | Cho một cửa hàng. |  |
| 3 | Loại dự án | Dự án cỡ vừa |  |
| 4 | Sản phẩm của dự án | Phần mềm gồm nhiều module |  |
| 5 | Ngày bắt đầu | 18/1/2018 |  |
| 6 | Ngày dự kiến kết thúc | 5/4/2018 |  |

## Phạm vi dự án.

Xác lập phạm vi dự án như sau:

* Phạm vi địa lý, các địa điểm triển khai: Địa điểm triển khai chỉ cửa hàng hoa “Flower’s Angel”.
* Dung lượng của sản phẩm:
* Các chức năng, đặc tính chính của sản phẩm:

\* Client:

* Hiển thị sản phẩm
* Tìm kiếm sản phẩm
* Đặt hàng
* Phân trang danh sách sản phẩm
* Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
* Đăng nhập
* Đăng kí tài khoản

\* Admin:

* Quản lý đơn đặt hàng
* Quản lý danh mục hoa
* Quản lý hoa
* Đăng nhập
* Quản lý tài khoản

- Các chức năng ngoài phạm vi dự án:

* Chat/liên hệ trực tiếp với shop
* Đăng kí tài khoản bằng facebook, gmail,...
* In hóa đơn
* Tính chất dự án: dự án phát triển các dự án có sẵn.
* Các nội dung khác:

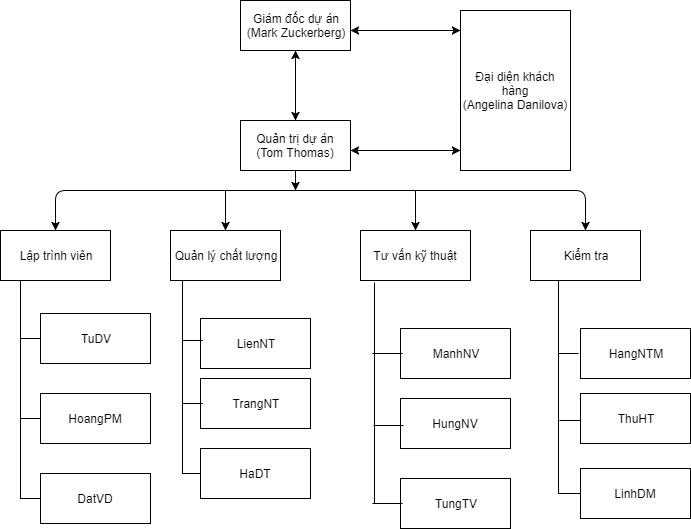
## Khái niệm, định nghĩa , từ viết tắt.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Từ viết tắt** | **Định nghĩa** | **Ghi chú** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

# **Tổ chức dự án.**

## Sơ đồ tổ chức dự án.

Sơ đồ tổ chức trong phạm vi dự án như sau:



## Các vai trò chính tham gia dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Vị trí/Vai trò | Họ và tên | Mô tả  trách nhiệm/công việc |
| 1. | GĐDA | Mark Zuckerberg | Nhiệm vụ lập kế hoạch bao gồm: Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án và kế hoạch tài chính dự án, trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động của dự án để làm cơ sở theo dõi, đánh giá. |
| 2. | QTDA | Tom Thomas | QT dự án chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện và triển khai dự án, đảm bảo sao cho các dự án được quản lý hiệu quả, hoàn thành đúng tiến độ, quy trình và ngân sách dự kiến. Quản lý và điều hành các nhân viên tham gia thực hiện dự án nhằm hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch đã đưa ra. |
| 2.1 | QTDA giai đoạn phát triển | Tom Thomas |  |
| 2.2 | QTDA giai đoạn triển khai | Tom Thomas |  |
| 3. | Nhóm phát triển | Đỗ Văn Tú  Phạm Minh Hoàng  Vũ Duy Đạt  Nguyễn Thị Liên  Nguyễn Thu Trang  Đỗ Thu Hà | Thực hiện công việc của mình theo đúng bảng công việc đã phân công. |
| 4. | Nhóm PQA | Nguyễn Thị Minh Hằng  Hoàng Thi Thu  Đỗ Mai Linh | Tham gia phát triển và đánh giá các quy trình cấp dự án. Giám sát quy trình quản lý dự án. Giám sát quy trình quản lý cấu hình. Giám sát các hoạt động kiểm định |
| ... |  |  |  |
|  |  |  |  |

# **Tiến trình thực hiện dự án.**

## 3.1. Các mốc kiểm soát dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thời hạn** | **Kết quả** |
| **1.** | Khởi động dự án | 1 tuần |  |
| **2.** | Các giai đoạn thực hiện |  |  |
| 2.1 | Giai đoạn 1: Xây dựng tài liệu đặc tả yêu cầu, thiết kế phần mềm, thiết kế CSDL và các tài liệu liên quan | 2 tuần |  |
| 2.2 | Giai đoạn 2: Xây dựng module phía user: tra cứu sản phẩm, đặt hàng online | 2 tuần |  |
| 2.3 | Giai đoạn 3: Xây dựng module phía admin: quản lý sản phẩm, quản lý khách hàng, quản lý danh mục,… | 2 tuần |  |
| **3** | Kết thúc dự án | 1 tuần |  |
|  |  |  |  |

# **Nguồn lực dự án.**

## 4.1. Yêu cầu về trang thiết bị, vật tư, vật liệu.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trang thiết bị, vật tư** | **Số lượng** | **Bộ phận cung cấp** | **Thời hạn** | **Mục đích sử dụng** |
| 1 | Máy tính cá nhân | 10 | Công ty phần mềm |  | Cài đặt, ghép nối các module và kiểm thử chương trình |
| 2 | Máy chủ | 2 | Công ty phần mềm |  | Dùng làm máy chủ CSDL |

## 4.2. Chi phí dự án và các nguồn lực.

# **Quản lý chất lượng.**

## 5.1. Các quy trình áp dụng trong dự án.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã số | Quy trình/quy định áp dụng | Ghi chú  (Có/Không) |
| 1 | 02.QĐ.QTPM.CNPM | Quy định tổ chức & thực hiện dự án |  |
| 2 | 01.QĐ.QTPM.CNPM | Quy định quản lý cấu hình |  |
| 3 | 01.QT.QTPM.CNPM | Quy trình nghiên cứu sản phẩm tích hợp |  |
| 4 | 02.QT.QTPM.CNPM | Quy trình phân tích và xác định yêu cầu phần mềm |  |
| 5 | 03.QT.QTPM.CNPM | Quy trình thiết kế phần mềm |  |
| 6 | 04.QT.QTPM.CNPM | Quy trình lập trình |  |
| 7 | 06.QT.QTPM.CNPM | Quy trình kiểm tra hệ thống phần mềm |  |
| 8 | 03.QT.QTDV.CNPM | Quy trình triển khai (nếu có triển khai) |  |
|  |  |  |  |

## 5.2. Các mục tiêu chất lượng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tiêu chí chất lượng** | **Mục tiêu** | **Ghi chú** |
| 1 | Số mốc kiểm soát đạt đúng hạn/tổng số mốc kiểm soát |  |  |
| 2 | Tỷ lệ thời gian thực hiện/kế hoạch |  |  |
| 3 | Tỷ lệ MD thực tế / MD kế hoạch |  |  |
| 4 | Số bugs trên một chức năng |  |  |
| 5 | Tỷ lệ các modules phải sửa thiết kế |  |  |
|  |  |  |  |

## 5.3. Quản lý hồ sơ/ kết quả dự án.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | MÃ SỐ | TÀI LIỆU/HỒ SƠ | GHI CHÚ | |
| Bản cứng | Bản mềm |
| 1 |  | Quy định tổ chức & thực hiện dự án |  |  |
| 1.1 | 31.BM.QTPM.ESC | Quyết định tổ chức và thực hiện dự án |  |  |
| 1.2 | 33.BM.QTPM.ESC | Kế hoạch dự án loại A |  |  |
| 1.3 | 32.BM.QTPM.ESC | Phiếu đánh giá cán bộ tham gia dự án |  |  |
| 1.4 | 34.BM.QTPM.ESC | Báo cáo tổng kết dự án loại A |  |  |
| 1.5 | 35.BM.QTPM.ESC | Kế hoạch dự án loại B |  |  |
| 1.6 | 36.BM.QTPM.ESC | Báo cáo tổng kết dự án loại B |  |  |
| 1.7 | 31.BM.QTPM.ESC | Biên bản cuộc họp |  |  |
| 1.8 | 38.BM.QTPM.ESC | Bảng tổng hợp sự thay đổi của dự án |  |  |
| 1.9 | 39.BM.QTPM.ESC | Nhật ký dự án |  |  |
| 2 | 01.QĐ.QTPM.CNPM | Quy định quản lý cấu hình |  |  |
| 2.1 | 01.BM.QTPM.CNPM | Kế hoạch quản lý cấu hình phần mềm |  |  |
| 2.2 | 02.BM.QTPM.CNPM | Mô tả cấu hình phần mềm |  |  |
| 2.3 | 03.BM.QTPM.CNPM | Danh sách cấu hình phần mềm |  |  |
| 3 | 01.QT.QTPM.CNPM | Quy trình nghiên cứu sản phẩm tích hợp |  |  |
| 3.1 | 04.BM.QTPM.CNPM | Phiếu yêu cầu nghiên cứu |  |  |
| 3.2 | 05.BM.QTPM.CNPM | Phương án nghiên cứu |  |  |
| 3.3 | 06.BM.QTPM.CNPM | Báo cáo kết quả nghiên cứu |  |  |
| 4 | 02.QT.QTPM.CNPM | Quy trình phân tích và xác định yêu cầu |  |  |
| 4.1 | 07.BM.QTPM.CNPM | Báo cáo nghiên cứu, khảo sát hệ thống |  |  |
| 4.2 | 08.BM.QTPM.CNPM | Mô tả yêu cầu phần mềm (SRD) |  |  |
| 4.3 | 09.BM.QTPM.CNPM | Đặc tả yêu cầu phần mềm (SRS) |  |  |
| 4.4 | 10.BM.QTPM.CNPM | Mô tả tình huống sử dụng phần mềm (Use case) |  |  |
| 4.5 | 11.BM.QTPM.CNPM | Mô tả quy trình nghiệp vụ |  |  |
| 5 | 03.QT.QTPM: | Quy trình thiết kế phần mềm |  |  |
| 5.1 | 12.BM.QTPM.CNPM | Thiết kế mức cao phần mềm (HLD) |  |  |
| 5.2 | 13.BM.QTPM.CNPM | Mô tả module phần mềm |  |  |
| 5.3 | 14.BM.QTPM.CNPM | Kết quả xem xét thiết kế |  |  |
| 6 | 04.QT.QTPM.CNPM | Quy trình lập trình |  |  |
| 6.1 | 16.BM.QTPM.CNPM | Phiếu ghi nhận và theo dõi lỗi phần mềm |  |  |
| 7 | 06.QT.QTPM.CNPM | Quy trình kiểm tra hệ thống phần mềm |  |  |
| 7.1 | 26.BM.QTPM.CNPM | Kế hoạch kiểm tra phần mềm |  |  |
| 7.2 | 22.BM.QTPM.CNPM | Tình huống kiểm tra phần mềm |  |  |
| 7.3 | 17.BM.QTPM.CNPM | Kết quả kiểm tra hệ thống phần mềm |  |  |
| 7.4 | 23.BM.QTPM.CNPM | Thông báo phát hành phần mềm |  |  |
| 7.5 | 27.BM.QTPM.CNPM | Tài liệu hướng dẫn sử dung |  |  |
| 7.6 | 30.BM.QTPM.CNPM | Mô hình kiểm tra hệ thống |  |  |
| 8 |  | Quy trình triển khai (nếu có triển khai) |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| 9 | Hồ sơ khác |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# **Quản lý rủi ro.**

*Dự kiến các rủi ro có thể có trong việc thực hiện dự án:*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Mô tả* | *Ảnh hưởng* | *Nguyên nhân* | *Phòng ngừa* | *Khắc phục* |
| *1.* | ***Rủi ro về nhân sự*** | Tiến độ có thể bị chậm nếu không có sự bố trí công việc một cách hợp lý | - Thành viên có vấn đề về sức khỏe  - Thành viên bận việc riêng (gia đình, học tập…) | Phải giữ được những nhân lực chính, sẵn sàng có kế hoạch thay người |  |
| *2.* | ***Thay đổi từ khách hàng*** | Tiến độ có thể bị chậm ngoài ý muốn | Thay đổi về quy trình kinh doanh của khách hàng |  | Tập trung toàn bộ nguồn lực xử lý những thay đổ và ảnh hưởng của nó lên các phần khác nhanh nhất có thể |

# **Các vấn đề khác.**